

Số: /KH-SYT

Điện Biên, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin ngành Y tế năm 2024

Phần I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Thực hiện mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh và tăng cường đổi mới việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ Nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp, góp phần xây dựng và phát triển Chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin mạng ngành Y tế, trong thời gian qua ngành Y tế đã đạt được kết quả như sau:

1. Văn phòng Sở Y tế

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác hoạt động quản lý chỉ đạo và điều hành. 100% văn bản chỉ đạo điều hành của Sở Y tế đến các phòng chức năng được chuyển trực tiếp trên hệ thống phần mềm. 100% các văn bản, tài liệu (trừ văn bản loại mật, hồ sơ) của cơ quan đơn vị được trao đổi trên môi trường mạng đến các cơ quan đơn vị.

- Trên 90% cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Y tế cấp tỉnh, cấp huyện và 60% cán bộ, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc.

- Thực hiện triển khai ứng dụng chữ ký điện tử trong hồ sơ công việc, trên cổng dịch vụ công trực tuyến 100% các văn bản điện tử đi từ Sở Y tế được ký số (trừ các văn bản mật) ứng dụng chữ ký số trong việc giao dịch với kho bạc.

- Đầu tư mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị CNTT, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT, tạo nền tảng chính quyền điện tử ngành Y tế.

- Triển khai dịch vụ công của Sở với mức độ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần (Cho phép nộp hồ sơ trực tuyến) đạt 115/171 TTHC theo đúng kế hoạch đề ra.

- Thực hiện Kế hoạch số 278/KH-SYT ngày 22/11/2021 của Sở Y tế về Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin ngành Y tế năm 2023. Ngành Y tế hoàn thiện triển khai nền hành chính điện tử trong công tác y tế. Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành điện tử, tiến tới hạn chế sử dụng giấy tờ tại cơ quan Sở Y tế và các đơn vị trong ngành. Ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử ở các cơ quan, đơn vị trong ngành.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu y tế, triển khai các phần mềm ứng dụng để phân tích số liệu báo cáo thống kê về lĩnh vực y tế kịp thời, chính xác, giúp dự báo về diễn biến tình trạng sức khỏe, bệnh tật trong cộng đồng, từ đó có các chính sách quản lý y tế phù hợp.

2. Các đơn vị trực thuộc

- Các cơ sở khám chữa bệnh: Hoàn thiện các phần mềm quản lý và số hóa bệnh viện: Triển khai hệ thống phần mềm HIS, LIS, RIS/PACS, EMR tuân thủ các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế bảo đảm khả năng kết nối liên thông, chia sẻ, tích hợp dữ liệu, đồng thời bảo đảm khả năng kết nối liên thông với tất cả các trang thiết bị hiện có trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (máy xét nghiệm, máy chẩn đoán hình ảnh, các màn hình tương tác, các thiết bị cầm tay cá nhân...) trên mạng nhằm nâng cao khả năng tự động hóa.

- Căn cứ Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám, chữa bệnh. Các cơ sở khám chữa bệnh đang xây dựng kế hoạch, lộ trình đáp ứng “bệnh viện thông minh” (Mức 6 của Thông tư 54).

- Ngoài ra các đơn vị trực thuộc căn cứ hướng dẫn Ban chỉ đạo, Sở Y tế để triển khai thực hiện các nội dung triển khai Nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử năm 2023; Triển khai mô hình điểu về bảo đảm dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống” và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Triển khai các nền tảng ứng dụng trong công tác phòng chống dịch đáp ứng yêu cầu. 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai hệ thống tiêm chủng quốc gia và tiêm chủng COVID-19.

- Mua sắm trang thiết bị CNTT, nâng cấp hạ tầng CNTT: mua sắm máy chủ; máy tính, nâng cấp hệ thống mạng Lan...

- 100% các cơ sở KCB kết nối liên thông dữ liệu khám chữa bệnh với cổng giám định BHYT và cổng dữ liệu Sở Y tế, cổng hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Tăng cường đảm bảo an toàn bảo mật an ninh thông tin trên môi trường mạng. Lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trong cơ quan.

- Sở Y tế cơ bản đã hoàn thành mục tiêu mà kế hoạch phát triển Chính quyền số, bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Sở đã đề ra trong năm 2023.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số

- Trong năm 2023 ngành Y tế tiếp tục quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức (CCVC) và người lao động. Các văn bản hướng dẫn được triển khai bằng nhiều hình thức đến CCVC được nhanh chóng và thuận tiện, phổ biến (triển khai trực tiếp, thông qua hệ thống quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, hệ thống trang thông tin điện tử của ngành, qua mạng Zalo).

- Thực hiện tổ chức đào tạo tập huấn triển khai các văn bản của cấp trên về chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế cho CCVC ngành Y tế và tạo điều kiện cho các cơ quan đơn vị đi thăm quan học tập nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp triển khai chuyển đổi số hiệu quả. Cử cán bộ tham gia các khóa chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số, phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế do Bộ Y tế tổ chức.

- Giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh định kỳ xây dựng các chương trình truyền thông về triển khai y tế số trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân, khám chữa bệnh, bao gồm việc hướng dẫn sử dụng và triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ xa, đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến, bệnh án điện tử và các nội dung liên quan khác. Từ đó nâng cao nhận thức cho CCVC về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh của ngành về công tác chuyển đổi số; tầm quan trọng, ý nghĩa và tác động của chuyển đổi số đến phát triển chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Thể chế số

Sở Y tế đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định, kế hoạch ⁽¹⁾ tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế. Bên cạnh đó, Sở cũng đã xây dựng, ban hành các văn bản, quyết định, kế hoạch ⁽²⁾ nhiều văn bản chủ trương, hướng dẫn đôn đốc chỉ đạo để tạo điều kiện cho các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh việc triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế.

3. Hạ tầng số

3.1. Văn phòng Sở Y tế

- Hạ tầng mạng: Sử dụng đường truyền internet cáp quang; Có phòng máy chủ riêng; hệ thống tủ Server; Lắp đặt hệ thống điều hòa (02 điều hòa); Có hệ

¹ Quyết định 1208/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định 1785/Kh-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

² Quyết định số 1111/QĐ-SYT ngày 14/12/2020 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Điện Biên đến năm 2025 định hướng đến 2030; Quyết định số 1121/QĐ-SYT ngày 15/12/2020 của Sở Y tế về Phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực Y tế gắn với Chuyển đổi số ngành Y tế, đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 trong ngành Y tế tỉnh Điện Biên; Quyết định số 266/QDD-SYT ngày 25/3/2022 của Sở Y tế về việc kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số Ngành Y tế tỉnh Điện Biên; Kế hoạch số 278/KH-SYT ngày 22/11/2022 của Sở Y tế về Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin ngành Y tế năm 2023; Hướng dẫn số 19/HD-CĐN ngày 13/02/2023 của Công đoàn ngành Y tế về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 136/KH-SYT ngày 21/06/2023 triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử giai đoạn 2023 – 2025; Kế hoạch số 59/KHSYT ngày 03/3/2023 về Triển khai thực hiện Đề án 06 phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia của Sở Y tế giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2023; Công văn số 09/SYT-NVYD ngày 04/01/2023 về việc triển khai thực hiện liên thông dữ liệu Giấy khám sức khỏe lái xe phục vụ Đề án 06; Công văn số 409/VP-SYT ngày 13/3/2023 về Đơn đốc triển khai văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26/04/2022 của BTTTT về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0); Công văn số 418/SYT-NVYD ngày 14/3/2023 về việc hướng dẫn cập nhật thủ công dữ liệu Giấy khám sức khỏe lái xe, liên thông dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử lên công giám định BHYT triển khai Đề án 06.

thống mạng LAN; hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét lan truyền cho hệ thống mạng Lan và máy chủ.

- Trang thiết bị: Có 08 máy chủ (HP, IBM); 04 Switch quang 24 port (Cisco); thiết bị Firewall (Fortigate); 38 máy tính để bàn; 03 máy tính xách tay; 06 máy scan; 38 máy in; 08 Wifi; 100% các máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus, có hệ thống giao ban trực tuyến ngành y tế; hệ thống camera an ninh giám sát nội bộ cơ quan...

3.2. Các đơn vị trực thuộc

a) Hạ tầng mạng

- 100% các đơn vị trực thuộc Sở Y tế trên địa bàn tỉnh, huyện, thị xã, thành phố sử dụng đường truyền Internet cáp quang.

- 127 Cơ sở KCB tuyến xã sử dụng đường truyền Internet cáp quang.

b) Trang thiết bị

- Toàn ngành Y tế có 75 máy chủ, trên 200 máy tính xách tay, hơn 1.800 máy tính để bàn, 70% đơn vị có hệ thống mạng Lan nội bộ, 100% các máy tính được kết nối Internet và mạng Lan (trừ máy soạn thảo văn bản mật); 03/4 Bệnh viện tuyến tỉnh, 01/4 trung tâm chuyên khoa và 10/10 TTYT có hệ thống giao ban trực tuyến; 80% đơn vị có bố trí phòng máy chủ riêng, được trang bị hệ thống báo cháy, chống sét lan truyền, thiết bị bảo mật.

- Đánh giá chung là các đơn vị có mức hạ tầng còn thấp chưa đạt theo quy định tại Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2018 tại cơ sở KCB ngành y tế có 11/15 đơn vị ở mức 1 (mức thấp) chiếm tỷ lệ 73,33%, 02/15 đơn vị ở mức 3 chiếm tỷ lệ 13,33%, 01/15 đơn vị ở mức 4 chiếm tỷ lệ 6,67%, 01/15 đơn vị đạt mức 5 chiếm tỷ lệ 6,67% . Các đơn vị đạt mức thấp do các tiêu chí chưa đạt như: Hệ thống lưu trữ dự phòng; Phòng máy chủ (thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị theo dõi nhiệt độ, độ ẩm; thiết bị kiểm soát người vào/ra); Thiết bị tường lửa.

4. Dữ liệu số

- Xây dựng cơ sở dữ liệu y tế, triển khai các phần mềm ứng dụng để phân tích số liệu báo cáo thống kê về lĩnh vực y tế kịp thời, chính xác, giúp dự báo về diễn biến tình trạng sức khỏe, bệnh tật trong cộng đồng, từ đó có các chính sách quản lý y tế phù hợp.

- Trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh: 100% các cơ sở khám bệnh chữa bệnh đã triển khai phần mềm quản lý bệnh viện (HIS); các hệ thống phần mềm khác như Phần mềm chẩn đoán hình ảnh (PACS/RIS), phần mềm quản lý xét nghiệm (LIS) đã được triển khai tại nhiều bệnh viện; hệ thống khám bệnh, chữa bệnh từ xa (Telehealth) đã được triển khai.

- Trong lĩnh vực Bảo hiểm y tế: 100% các Cơ sở khám chữa bệnh đã kết nối và chia sẻ thông tin với công bảo hiểm y tế, công dữ liệu y tế.

- Trong lĩnh vực y tế dự phòng: Hệ thống thông tin quản lý tiêm chủng, Hệ thống thông tin tiêm chủng COVID-19; quản lý bệnh truyền nhiễm đã được triển khai tại các cơ sở khám chữa bệnh đặc biệt là tuyến xã. Hình thành cơ sở dữ liệu quản lý dịch bệnh và phòng bệnh không lây nhiễm trên địa bàn tỉnh.

- Trong lĩnh vực y tế cơ sở: 100% trạm y tế, trung tâm y tế tuyến huyện đã triển khai ứng dụng CNTT phục vụ trong công tác hoạt động chuyên môn.

- Trong lĩnh vực Dược: Đang phối hợp với các doanh nghiệp phần mềm triển khai hệ thống quản lý nhà thuốc, hình thành cơ sở dữ liệu dược trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác quản lý.

5. Nền tảng số

- Các cơ sở khám, chữa bệnh đẩy mạnh đầu tư hạ tầng trang thiết bị, phần cứng, phần mềm gắn với sử dụng các nền tảng số y tế, trong đó chú trọng: nền tảng số quản lý bệnh viện, cơ sở y tế; nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử; nền tảng quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; nền tảng quản lý tiêm chủng; nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến; và các công cụ hỗ trợ khám chữa bệnh và nghiệp vụ y tế khác.

- 100% các cơ sở khám chữa bệnh (KCB) thực hiện khai thác ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác chuyên môn: Phần mềm quản lý khám chữa bệnh KCB; phần mềm quản lý tiêm chủng; Phần mềm kiểm tra chất lượng bệnh viện; Phần mềm báo cáo chuyển tuyến; Phần mềm đường dây nóng; Phần mềm báo cáo bệnh truyền nhiễm; Phần mềm báo cáo chương trình phòng chống Lao; Phần mềm báo cáo chương trình phòng chống sốt rét; Phần mềm báo cáo chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản; Phần mềm quản lý HIV, Phần mềm quản lý các chương trình mục tiêu Y tế, Phần mềm quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế.

- Triển khai các hệ thống Lis 01/15 đơn vị đạt mức cao (chiếm 6,67%), còn lại có 13/14 đơn vị đạt mức cơ bản (chiếm 92.8%) và 01 đơn vị chưa triển khai hệ thống LIS.

- Triển khai hệ thống RIS-PACS có 03/15 đơn vị đạt mức cơ bản là: Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo, Trung tâm Y tế thành phố Điện Biên Phủ, Bệnh viện Phổi (chiếm 20%).

- 09/15 cơ sở khám chữa bệnh có hệ thống Teleheath phục vụ công tác hội chẩn, đào tạo tập huấn trong hoạt động khám chữa bệnh từ xa (chiếm 60%).

6. Nhân lực số

- Tại cơ quan Văn phòng Sở Y tế giao 01 cán bộ chuyên trách tham mưu, quản lý hoạt động phát triển ứng dụng chuyển đổi số tại cơ quan Văn phòng Sở Y tế và toàn ngành y tế.

- Các đơn vị trực thuộc: Hiện có 37 cán bộ được đào tạo chuyên ngành về CNTT. Đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ tham mưu chuyển đổi số, cán bộ chuyên trách CNTT, An toàn thông tin mạng thường xuyên được đào tạo, tập

huấn, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Hiện tại có 3.148 cán bộ ngành y tế trong đó trên 60% cán bộ công chức, viên chức có chứng chỉ tin học trình độ A, B...

7. An toàn thông tin mạng

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hệ thống thông tin của Sở để kịp thời sửa khắc phục khi có sự cố xảy ra. Có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin quản lý, vận hành hệ thống máy chủ, đường truyền internet của Sở và các đơn vị trực thuộc.

- Cập nhật thường xuyên các cảnh báo về sự cố máy tính, lỗ hổng bảo mật... và áp dụng theo hướng dẫn để khắc phục các sự cố trên.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống mã độc, bảo vệ 100% máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan; xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng đối với các đơn vị có quản lý hệ thống thông tin.

8. Chính quyền số

8.1. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Triển khai dịch vụ công toàn trình và dịch vụ công một phần (cho phép nộp hồ sơ trực tuyến) là 115/171 TTHC.

- Kết quả giải quyết hồ sơ hành chính cho tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa tại bộ phận một cửa văn phòng Sở Y tế từ ngày 01/01/2023 đến ngày 15/11/2023, tổng số hồ sơ tiếp nhận của bộ phận một cửa 555 hồ sơ (kỳ trước chuyển sang 02 hồ sơ) trong đó:

- + Số hồ sơ tiếp nhận giải quyết trực tuyến: 478 hồ sơ.
- + Số hồ sơ tiếp nhận giải quyết trực tiếp: 75 hồ sơ.
- + Số hồ sơ đang giải quyết trong hạn: 30 hồ sơ.
- + Số hồ sơ giải quyết trễ hạn: 0 hồ sơ.
- + Số hồ sơ giải quyết sớm hạn: 525 hồ sơ.

8.2. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ

- Lĩnh vực quản lý.

+ 80% đơn vị trực thuộc Sở Y tế được trang bị hệ thống giao ban trực tuyến, đảm bảo hoạt động công tác giao ban hàng tháng, quý, tổng kết ngành; 100% các trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh triển khai phần mềm ứng dụng chuyên khoa trong thực hiện chuyên môn; 100% các cơ sở KCB từ tuyến tỉnh, huyện, xã có hệ thống đường truyền cáp quang, hạ tầng mạng Lan, phòng máy chủ đảm bảo hạ tầng CNTT triển khai ứng dụng CNTT, như: Phần mềm quản lý khám chữa bệnh; phần mềm QL tiêm chủng; Phần mềm báo cáo chuyển tuyến; Phần mềm đường dây nóng; Phần mềm quản lý HIV; Phần mềm quản lý các

chương trình mục tiêu Y tế; Phần mềm giám định bảo hiểm Y tế... đảm bảo thống nhất liên thông đồng bộ kết nối dữ liệu với Sở Y tế, Bộ Y tế, BHXH.

+ 100% Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh có hệ thống phần mềm chuyên ngành; 100% đơn vị trong ngành sử dụng phần mềm kế toán MISA, phần mềm quản lý tài sản; 100% các đơn vị trực thuộc tiếp nhận Văn bản chỉ đạo điều hành từ Sở Y tế trên môi trường mạng (trừ văn bản mật).

- Lĩnh vực dự phòng.

+ Thực hiện khai thác các phần mềm chuyên ngành phục vụ trong hoạt động chuyên môn: Phần mềm Thống kê Mis; Phần mềm Bravo; Phần mềm Quản lý bệnh viện; Phần mềm Quản lý vắc xin; Phần mềm Quản lý bệnh truyền nhiễm; Phần mềm Quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia; Phần mềm quản lý tiêm chủng COVID-19; Phần mềm tờ khai Y tế; Phần mềm báo cáo hoạt động kiểm dịch y tế; Phần mềm hệ thống quản lý điều trị Methadone; Phần mềm 3.0 quản lý bệnh nhân nhiễm HIV; Phần mềm quản lý bệnh nhân điều trị ARV cho bệnh nhân nhiễm HIV; Phần mềm thống kê Epidata 2.0; Phần mềm phân tích số liệu SPSS.

+ Thực hiện làm sạch thông tin dữ liệu theo Đề án 06 được 186.718/198.950 (đạt 93,85%); Quản trị hệ thống công tiêm chủng COVID-19, công đáp ứng tiêm chủng. Vận hành khai thác các phần mềm ứng dụng trong công tác phòng chống dịch COVID-19: mcc.tiemchungcovid19.gov.vn; tokhaiyte.vn...

+ Hồ sơ sức khỏe điện tử: Sở Y tế đã ban hành Kế hoạch số 136/KH-SYT ngày 21/6/2023 về triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử giai đoạn 2023 - 2025.

- Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.

+ Tổng số đầu quét mã Qr-code trên CCCD tại các cơ sở khám chữa bệnh là 173 cái; Số cơ sở khám chữa bệnh đã trang bị đầu quét mã Qr-code trên CCCD là 139/139 (100%). Số lượt thực hiện khám chữa bệnh BHYT thành công bằng thẻ CCCD tính từ 1/1/2023 đến 15/11/2023 đạt (95,5%).

+ Sở Y tế đã chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh và giấy báo tử giúp người dân thuận tiện trong việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan. Kết quả thực hiện: Đã triển khai liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe tại 14/14 cơ sở khám, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe lái xe. Kết quả đến 15/11/2023: Tổng số lượt khám liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe 13.462 lượt, trong đó: Số thực hiện khám liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe cho xe máy 8.277 lượt; Số thực hiện khám liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe cho xe ô tô 5.285 lượt. Thực hiện liên thông dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử: Đã triển khai liên thông dữ liệu tại 139/139 cơ sở khám, chữa bệnh. Kết quả đến 15/11/2023 đã liên thông được 4.919 lượt giấy chứng sinh và liên thông được 26 lượt giấy báo tử.

+ 100% các cơ sở KCB kết nối liên thông dữ liệu khám chữa bệnh với công giám định BHYT và công dữ liệu Sở Y tế.

9. Kinh tế số

- 100% các đơn vị thanh toán lương, phụ cấp và các chế độ khác cho công chức, viên chức, người lao động thông qua các giao dịch với ngân hàng, các hoạt động thu nộp thuế vào ngân sách nhà nước và thanh toán các dịch vụ công cộng như: Vệ sinh môi trường, điện, nước, điện thoại... đều được thực hiện thanh toán qua ngân hàng.

- Thực hiện Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt các mô hình điểm về bảo đảm dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống” và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, Sở Y tế đã chỉ đạo Bệnh viện đa khoa tỉnh triển khai mô hình Điểm về thanh toán không dùng tiền mặt, với mục tiêu 50 - 60% thanh toán qua tài khoản vào Quý II năm 2023 và 70-80% vào Quý III, IV năm 2023, kết quả đạt được, từ ngày 10/4/2023 đến ngày 15/11/2023), cụ thể: Tổng số lượt người bệnh thanh toán không dùng tiền mặt: 5.222/63.070 lượt (8,27%). Tổng số tiền thanh toán không dùng tiền mặt là: 6.772.459.262/52.332.193.572 (12,94%).

- Ngoài ra, Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị: Chủ động phối hợp với các ngân hàng để cung cấp các hình thức thanh toán phù hợp như: mã vuông QR (Chuyển khoản/Thanh toán), qua website (Chuyển khoản/Thanh toán), Mobile Money và thẻ (POS); tích hợp sẵn sàng module thanh toán trong phần mềm quản lý bệnh viện; Đa dạng các hình thức tuyên truyền cho người nhà bệnh nhân, bệnh nhân đến khám bệnh, chữa bệnh về lợi ích của việc thanh toán không dùng tiền mặt, như: tiện lợi, nhanh, an toàn, không cần mang theo nhiều tiền mặt, giảm thiểu rủi ro giao dịch tiền mặt (nhầm lẫn, thống kê, đối soát); nhanh chóng hoàn thiện thủ tục thanh toán khi ra viện...

10. Kinh phí thực hiện

Hiện kinh phí nguồn Ngân sách nhà nước hiện chưa được bố trí để thực hiện cho các nhiệm vụ, dự án phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền số, chuyển đổi số cho các đơn vị trong ngành y tế năm 2023. Để thực hiện được nhưng kết quả trên các đơn vị thuộc Ngành đã phải bố trí từ nguồn dịch vụ khám chữa bệnh trích từ nguồn phát triển, rất khó khăn cho đơn vị...

III. TỒN TẠI HẠN CHẾ

- Hạn chế về việc triển khai các ứng dụng giao diện rộng, dữ liệu tổng hợp lớn, trọng yếu của ngành Y tế làm trọng tâm, xây dựng nền tảng cho việc quản lý các thông tin, dữ liệu dùng chung của ngành còn rời rạc chưa có sự kết nối thông tin chia sẻ dữ liệu với các hệ thống với nhau: Hệ thống khám chữa bệnh, hệ thống thống kê y tế, Hệ thống thông tin tiêm chủng, hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân. Cơ sở dữ liệu lớn trong lĩnh vực y tế thu thập toàn bộ các dữ liệu phục vụ cho việc thống kê y tế còn hạn chế về kết nối chia sẻ, vì vậy cũng gây khó khăn trong thực hiện xây dựng, hoạch định chính sách y tế hàng năm của cơ quan quản lý.

- Các phần mềm còn mang tính độc lập chưa thu thập được dữ liệu, kết

nối thông kê điện tử đầy đủ giữa các tuyến; chưa liên thông được kết quả khám bệnh, chữa bệnh, xét nghiệm giữa các cơ sở khám chữa bệnh các tuyến với nhau... Việc chưa triển khai được liên thông đồng bộ trong việc xây dựng dữ liệu điện tử ngành y tế cũng là một nguyên nhân để các ứng dụng của ngành y tế mặc dù triển khai mạnh ở từng lĩnh vực nhưng lại chưa có liên kết chung đáp ứng yêu cầu mang tính tổng thể trong ngành.

- Các ứng dụng CNTT Y tế đang được triển khai rộng rãi trong ngành y tế, tuy nhiên việc phát huy chất lượng, hiệu quả không đồng đều, có rất nhiều ứng dụng chưa đáp ứng yêu cầu của cơ sở y tế, dẫn tới việc triển khai không hiệu quả; mặt khác, nhiều cơ sở y tế triển khai nhiều ứng dụng không đồng bộ với nhau, dẫn tới các ứng dụng ngay tại đơn vị không kết nối được với nhau...

- Một số cơ quan, đơn vị trực thuộc vẫn chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của ứng dụng CNTT trong công việc, chưa thực sự quan tâm thực hiện triển khai ứng dụng CNTT.

- Hạn chế về cách thức ứng dụng CNTT: Mặc dù công tác cải cách hành chính cũng đã đạt được nhiều chuyển biến tích cực. Các ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động nội bộ như Thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản điều hành... đã được triển khai rộng rãi trong nhiều năm qua, tuy nhiên việc ứng dụng các hoạt động này chưa được triệt để, việc sử dụng giấy tờ, sổ sách, pho to vẫn còn nhiều, làm giảm hiệu quả sử dụng của các hệ thống CNTT.

- Cán bộ chuyên trách, cán bộ công chức, viên chức làm chuyên môn khi thực hiện khai thác sử dụng tiếp cận nhiều với nhiều sản phẩm, dịch vụ CNTT đặc thù trong lĩnh vực y tế; ngoài ra còn kiêm nhiệm các công việc chuyên môn khác, các phần mềm ứng dụng thường xuyên cập nhập thay đổi do đó cũng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức chưa phát huy hết năng lực trong hoạt động lĩnh vực CNTT.

- Hạn chế về kinh phí: Mặc dù được đánh giá là một giải pháp đột phá và không thể thiếu trong hoạt động của ngành y tế, tuy nhiên việc đầu tư cho CNTT còn hạn chế, chưa đồng bộ dẫn tới các hệ thống thông tin được triển khai thiếu chức năng hoặc không đồng bộ với các hệ thống khác, làm ảnh hưởng tới chất lượng của hệ thống cũng như tính kết nối với các hệ thống khác.

- Kinh phí triển khai Hồ sơ sức khoẻ điện tử; bệnh án điện tử của một đơn vị rất lớn, vì phải được đầu tư đồng bộ từ trang thiết bị y tế, trang thiết bị hạ tầng CNTT, quy trình hóa tại bệnh viện và đào tạo nhân lực vận hành hệ thống. Cơ chế tài chính cho ứng dụng công nghệ thông tin y tế nói chung và triển khai hồ sơ bệnh án điện tử nói riêng chưa rõ ràng (chưa có mục chi cho CNTT, giá thành dịch vụ y tế chưa có thành phần CNTT), các bệnh viện chủ yếu sử dụng quỹ đầu tư phát triển của đơn vị để ứng dụng công nghệ thông tin, ảnh hưởng đến các hoạt động khác của bệnh viện. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin còn khó khăn, do chưa có hướng dẫn đầy đủ của các Bộ, Ngành về nội dung này.

- Một số đơn vị triển khai phần mềm quản lý thông tin bệnh viện (HIS), phần mềm thông tin xét nghiệm (LIS), phần mềm thông tin chẩn đoán hình ảnh (RIS), hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS) không đạt tiêu chuẩn. Không bảo đảm khả năng kết nối liên thông, chia sẻ, tích hợp dữ liệu, đồng thời bảo đảm khả năng kết nối liên thông với tất cả các trang thiết bị hiện có trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (máy xét nghiệm, máy chẩn đoán hình ảnh, các màn hình tương tác, các thiết bị cầm tay cá nhân, ...) thông qua mạng nhằm nâng cao khả năng tự động hóa.

- Hệ thống trang thiết bị CNTT đã được các đơn vị quan tâm đầu tư mua sắm bổ sung và thay thế tuy nhiên với nhu cầu ứng dụng CNTT của ngành đòi hỏi ngày càng cao để đáp ứng với nhiệm vụ chuyên môn vì vậy nhiều đơn vị vẫn còn thiếu cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT để đảm bảo hoạt động công tác chuyên môn khai thác sử dụng.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030.

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh.

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số hằng năm.

Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Kế hoạch số 1064/KH-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Kế hoạch số 718/KH-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 1208/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số ngành Y tế giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2023.

Quyết định số 1111/QĐ-SYT ngày 14/12/2020 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Điện Biên đến năm 2025 định hướng đến 2030.

Quyết định số 1121/QĐ-SYT ngày 15/12/2020 của Sở Y tế về Phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực Y tế gắn với Chuyển đổi số ngành Y tế, đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng giai đoạn 2021-2025.

II. MỤC TIÊU

1. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý điều hành y tế

Triển khai hệ thống thông tin quản lý điều hành ngành Y tế tỉnh phù hợp với khung kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh và trung ương tích hợp được thành công với trực tích hợp dữ liệu của tỉnh, của bộ.

Xây dựng trung tâm điều hành Y tế thông minh trong ngành Y tế.

2. Đối với hoạt động phòng bệnh, khám chữa bệnh

2.1. Tại các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và Trung tâm Y tế tuyến huyện (sau đây gọi tắt là cơ sở KCB tuyến tỉnh/huyện)

- 100% cơ sở KCB tuyến tỉnh/huyện triển khai RIS-PACS ở mức cơ bản (*riêng Bệnh viện đa khoa tỉnh ở mức nâng cao*).

- Tối thiểu 50% cơ sở KCB tuyến tỉnh/huyện triển khai bệnh án điện tử (EMR).

- 100% cơ sở KCB tuyến tỉnh/huyện triển khai các hình thức thanh toán online.

- 100% cơ sở KCB tuyến tỉnh/huyện thực hiện số hóa hồ sơ bệnh án và ký số điện tử.

- Duy trì kết nối liên thông dữ liệu khám chữa bệnh từ tuyến tỉnh, huyện, xã với công giám định bảo hiểm y tế, công dữ liệu ngành y tế, công hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Triển khai cây KIOS khám chữa bệnh bằng sinh trắc học tự phục vụ tại tất cả các bệnh viện tuyến tỉnh.

- 100% các bệnh viện tuyến tỉnh triển khai hệ thống theo dõi chỉ số đo lường chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, khảo sát độ hài lòng người bệnh, báo cáo sự cố y khoa.

- Triển khai liên thông đồng bộ hệ thống khám chữa bệnh từ xa từ tỉnh đến huyện, trung ương.

2.2. Tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn

- Triển khai đồng bộ phần mềm quản lý trạm y tế xã theo Quyết định 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ Y tế về tích hợp toàn bộ nghiệp vụ của trạm y tế trên địa bàn toàn tỉnh có khả năng liên thông dữ liệu kết nối với các đơn vị y tế liên quan tuyến huyện, tuyến tỉnh.

- Triển khai phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân tại các cơ sở khám chữa bệnh tạo lập dữ liệu hồ sơ sức khỏe cá nhân với những người đi khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế phân đầu đạt 50% dân số của tỉnh.

3. Đối với lĩnh vực y tế dự phòng

Tiếp tục triển khai các nền tảng ứng dụng phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh, triển khai bản đồ số trong công tác phòng chống dịch, kết nối liên thông chia sẻ dữ liệu phần mềm tiêm chủng quốc gia, phần mềm tiêm chủng Covid-19. Xây dựng bản đồ số về phòng chống dịch. Kết nối hệ thống thông tin xét nghiệm.

4. Đối với công tác quản lý dược

Tiếp tục thực hiện kết nối liên thông vào phần mềm quản lý dược quốc gia đối với 100% cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện mục tiêu quản lý nguồn gốc, xuất xứ, giá cả, hạn dùng thuốc, tập trung vào các thuốc phải bán theo đơn, thuốc kháng sinh và thuốc Corticoide; 100% các quầy thuốc tư nhân đều sử dụng phần mềm quản lý nhà thuốc, thực hiện liên thông đơn thuốc với các phần mềm quản lý khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh.

5. Triển khai thống kê y tế điện tử - quản lý nhân sự ngành Y tế

- Triển khai đồng bộ phần mềm thống kê y tế điện tử ở cả 04 tuyến xã, huyện, tỉnh và tuyến trung ương theo lộ trình.

- Triển khai phần mềm quản lý nhân lực ngành Y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Tiếp tục quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của tỉnh về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành bằng nhiều hình thức khác nhau; quán triệt cán bộ, công chức, viên chức trọng tâm là cán bộ tham mưu giải pháp và công nghệ phục vụ chuyển đổi số tham gia và thường xuyên theo dõi kênh truyền thông “Chuyển

đổi số quốc gia” để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác chuyển đổi số lĩnh vực y tế.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia mừng 10 tháng 10 và của tỉnh Điện Biên trong ngành Y tế.

2. Thể chế số

Bám sát các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của tỉnh để xây dựng, ban hành các văn bản (văn bản hướng dẫn; duy trì, vận hành; quy định; quy chế;...) tạo điều kiện cho việc triển khai chuyển đổi số ngành y tế càng phát triển đáp ứng trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

3. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin

3.1. Xây dựng hoàn chỉnh trực tích hợp của ngành Y tế phù hợp với khung kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh và trung ương.

3.2. Triển khai số hóa các văn bản, tài liệu của ngành y tế

3.3. Triển khai hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin ngành y tế.

3.4. Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ sở y tế

a) Bổ sung, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Sở Y tế

- Xây dựng, hoàn thiện nền tảng kết nối, chia sẻ quy mô cấp tỉnh; các ứng dụng dùng chung, hệ thống nền tảng ứng dụng chính quyền điện tử.

- Từng bước hoàn thiện xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu để thực hiện quản trị hạ tầng, triển khai các ứng dụng dùng chung, đảm bảo an toàn hệ thống mạng và an ninh thông tin. Triển khai các hoạt động giám sát, cảnh báo, đầu tư công cụ dò quét lỗ hổng, mã độc và hướng dẫn biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong ngành y tế.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT tại cơ quan đơn vị, bao gồm: Trang bị máy tính; thiết lập, nâng cấp mạng máy tính, các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin...

- Nâng cấp hạ tầng đường truyền Internet, mạng LAN.

b) Bổ sung, nâng cấp hạ tầng CNTT tại tuyến tỉnh và tuyến huyện

Rà soát, hoàn thiện, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bổ sung máy chủ, máy trạm và trang thiết bị hỗ trợ cần thiết.

c) Bổ sung, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trạm Y tế xã

- Trang bị đủ máy tính để bàn cho các cán bộ sử dụng phục vụ các hoạt động chuyên môn và quản lý điều hành tại 129 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

- Nâng cấp hạ tầng đường truyền Internet, lắp đặt hệ thống mạng LAN.

4. Dữ liệu số

Xây dựng, hoàn thiện nền tảng kết nối, chia sẻ quy mô cấp tỉnh; các ứng dụng dùng chung, hệ thống nền tảng ứng dụng chính quyền điện tử. Xây dựng,

phát triển và hoàn thiện cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu chuyên môn ngành Y tế gắn kết liên thông đồng bộ:

- Cơ sở dữ liệu về dân số - kế hoạch hóa gia đình.
- Cơ sở dữ liệu về dược và mỹ phẩm.
- Cơ sở dữ liệu về nhân lực y tế.
- Cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm.
- Cơ sở dữ liệu về HIV/AIDS.
- Cơ sở dữ liệu về khám chữa bệnh.
- Cơ sở dữ liệu về bệnh truyền nhiễm và không lây nhiễm.
- Cơ sở dữ liệu tiêm chủng quốc gia và tiêm chủng COVID-19.

5. Nền tảng số

5.1 Xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh thông minh, góp phần thực hiện thành công chương trình sức khỏe Việt Nam

a) Xây dựng và triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân

Hồ sơ sức khỏe điện tử ghi lại và lưu trữ thông tin tóm tắt các đợt khám chữa bệnh xuyên suốt trong thời gian sống của người dân theo Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu. Phấn đấu đến hết năm 2025 đảm bảo 100% dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử. Phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử (EHR) đáp ứng các yêu cầu như:

- Tạo lập ID và hồ sơ gốc cho mỗi cá nhân dựa vào cơ sở dữ liệu hộ gia đình của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc mã định danh cá nhân của Công An.

- Các chức năng của phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử (EHR) đáp ứng Mô hình chức năng hệ thống EHR của tiêu chuẩn HL7 (ANSI/HL7 EHR, R2 - 2014, ngày 21/04/2014).

- Phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử phải quản lý đầy đủ các thông tin theo quy định tại Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cho phép quản lý hồ sơ ghi chép tình trạng chăm sóc và lịch sử sức khỏe của một người từ lúc sinh ra cho đến lúc mất đi, trong đó chú trọng bảo đảm tính bảo mật và riêng tư của hồ sơ theo quy định.

- Hồ sơ sức khỏe điện tử suốt đời cung cấp các giao diện tương tác với Bộ Y tế, bệnh viện, cơ sở cấp cứu, trung tâm y tế, trạm y tế, phòng khám, bác sỹ gia đình, chuyên gia y tế và người dân.

- Hồ sơ sức khỏe điện tử phải được mã hóa thông tin khi truyền tải trên hệ thống mạng Internet, bảo đảm tính an toàn, bí mật và chính xác của dữ liệu.

b) Tin học hóa trạm y tế

- Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý hoạt động trạm y tế theo quy định tại Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ Y tế ban hành quy định triển khai hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo kết nối và chia sẻ thông tin với các hệ thống thông tin bệnh viện, triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, hệ thống giám định và thanh toán bảo hiểm y tế, hệ thống thống kê y tế điện tử trong toàn quốc.

- Phần mềm tin học hóa quản lý hoạt động trạm y tế phải có khả năng kết xuất dữ liệu ra các tập tin XML theo định dạng, cấu trúc do Bộ Y tế quy định nhằm bảo đảm kết nối liên thông và chia sẻ thông tin với các hệ thống thông tin bệnh viện, hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử (EHR), hệ thống giám định và thanh toán bảo hiểm y tế, hệ thống thống kê y tế điện tử trong toàn quốc.

c) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ thông minh trong phòng bệnh, môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, dinh dưỡng và phòng chống HIV/AIDS.

d) Phát triển các ứng dụng cung cấp tri thức phòng bệnh, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân; các thông tin về cơ sở y tế, bác sĩ, dịch vụ y tế trên môi trường web, di động, giúp người dân có thể tra cứu thông tin y tế dễ dàng, hiệu quả, kịp thời, mọi lúc, mọi nơi, kết nối với tri thức Việt số hóa.

e) Phát triển các ứng dụng thông minh cho phép cung cấp các dịch vụ theo dõi, trợ giúp, chăm sóc sức khỏe người dân từ xa, kết nối trực tuyến giữa người bệnh, các thiết bị theo dõi sức khỏe và cán bộ y tế.

5.2 Xây dựng hệ thống khám chữa bệnh thông minh

a) Hoàn thiện các phần mềm quản lý và số hóa bệnh viện

- Triển khai hệ thống phần mềm HIS, LIS, RIS/PACS, EMR tuân thủ các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế bảo đảm khả năng kết nối liên thông, chia sẻ, tích hợp dữ liệu, đồng thời đảm bảo khả năng kết nối liên thông với tất cả trang thiết bị hiện có trong cơ sở khám chữa bệnh (máy xét nghiệm, máy chẩn đoán ảnh, các màn hình tương tác, các thiết bị cầm tay...) trên mạng nhằm nâng cao khả năng tự động hóa.

- Đồng bộ hóa mã định danh (ID) người bệnh.

- Xây dựng bệnh viện thông minh với tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin đạt mức 6 theo quy định tại Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám chữa bệnh.

b) Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại tất cả các cơ sở khám chữa bệnh theo lộ trình quy định tại Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định về hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử. Phấn đấu 30% các bệnh viện hình thành hệ thống bệnh viện không giấy tờ.

c) Phát triển cây thông tin tại bệnh viện.

- d) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khám chữa bệnh, ưu tiên một số lĩnh vực:
- Phát triển hệ thống hỗ trợ quyết định lâm sàng kết hợp chặt chẽ và thực hiện tức thời (*real-time*) cùng với hồ sơ sức khỏe điện tử.
 - Hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh.
 - Hỗ trợ phẫu thuật.
 - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các chuyên ngành sâu như: Tim mạch, hô hấp, xương khớp, ung bướu, sản nhi...
- e) 70% các bệnh viện triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa: kết nối hàng ngàn bệnh viện, cơ sở y tế.
- f) Tỷ lệ người dân sử dụng các dịch vụ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên các app di động đạt 60%

5.3 Lĩnh vực Y tế dự phòng

- Trong thời gian qua ngành Y tế đã ứng dụng nhiều phần mềm do bộ y tế triển khai trong ngành như: Hệ thống quản lý thông tin bệnh không lây nhiễm; Hệ thống quản lý số liệu người nhiễm HIV/AIDS và tử vong do AIDS; Hệ thống quản lý chuyên ngành DS-KHHGD cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin số liệu chuyên ngành DS-KHHGD phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành chương trình mục tiêu quốc gia DS-KHHGD tại các cấp quản lý, các ngành liên quan góp phần xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
- Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia, tiêm chủng COVID-19 các công cụ phần mềm để quản lý giám sát đảm bảo chất lượng số liệu tiêm chủng trên địa bàn tỉnh.

6. Nhân lực số

6.1. Đối với nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin

- Phát triển nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin tại các bệnh viện, trung tâm y tế đảm bảo đủ số lượng, chất lượng theo vị trí việc làm cụ thể, đáp ứng yêu cầu triển khai y tế thông minh. Triển khai đào tạo, tập huấn chuyên sâu về quản trị hệ thống, phân tích dữ liệu, an ninh, an toàn thông tin mạng và bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình quản lý, vận hành hệ thống thông tin.
- Xây dựng chính sách ưu đãi cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, thu hút cán bộ trình độ chuyên cao về công nghệ thông tin về làm việc trong ngành y tế.

6.2. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng chương trình và nội dung tập huấn đào tạo về triển khai vận hành và sử dụng các phần mềm.
- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và người lao động trong ngành y tế sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong công việc. Nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn, bảo mật trong quá trình vận hành, khai thác hạ tầng, ứng dụng trong giải quyết công việc hàng ngày.

7. Bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động đảm bảo an toàn an ninh thông tin ngành Y tế.

- Ưu tiên đầu tư hệ thống bảo mật, an toàn an ninh thông tin, áp dụng công nghệ mới theo tiêu chuẩn đang được áp dụng trên Thế giới và trong nước.

- Từng bước triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp (Kiện toàn lực lượng tại chỗ; Lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia) theo hướng dẫn của Sở thông tin và truyền thông tỉnh; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động quản lý thông tin của ngành Y tế phần đầu hết năm 2025.

- 100% cơ quan, đơn vị triển khai hoàn thiện và duy trì mô hình 4 lớp; triển khai SOC.

- 100% cơ quan, đơn vị xác định và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- 100% cơ quan, đơn vị tổ chức giám sát an toàn thông tin.

- Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đào tạo, tập huấn, diễn tập; tuyên truyền nâng cao nhận thức; ứng cứu, khắc phục sự cố cho các hệ thống thông tin...

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, đánh giá cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tại các đơn vị trong ngành Y tế. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo tập huấn cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin do ngành y tế tổ chức.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn.

- Định kỳ hàng năm phối hợp với ban ứng cứu sự cố an toàn an ninh thông tin của tỉnh tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin trong ngành y tế để đối phó khi xảy ra sự cố.

- Thành lập nhóm ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trong ngành Y tế; đề cử cán bộ CNTT ngành Y tế tham gia vào hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng tại các đơn vị trong ngành để đề cử cùng bàn giải pháp tháo gỡ.

- Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 5% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm (trong trường hợp hạ tầng các đơn vị chưa đảm bảo thực hiện thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ).

8. Chính quyền số

- Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng giấy tờ tại cơ quan Sở Y tế và các đơn vị y tế trong ngành. Ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử tại các cơ quan, đơn vị:

+ 80% các hệ thống thông tin y tế có yêu cầu chia sẻ, kết nối thông tin được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

+100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

+ 100 % ứng dụng quản lý cán bộ, tài chính kế toán.

- Tăng cường giải quyết các thủ tục hành chính trên dịch vụ công trực tuyến và hệ thống thông tin một cửa điện tử về thủ tục hành chính

+ 80% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được phổ biến tới người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Công Dịch vụ công của tỉnh, của ngành và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ 80% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống giao dịch điện tử của Sở Y tế được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất.

+ 80% thủ tục hành chính được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực Y tế.

9. Kinh tế số

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin, đồng bộ, chia sẻ, kết nối liên thông dữ liệu, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong thực thi công vụ. Đẩy mạnh cung cấp, khai thác dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Y tế.

- Các cơ sở khám chữa bệnh đẩy mạnh đầu tư hạ tầng trang thiết bị, phần cứng, phần mềm gắn với sử dụng các nền tảng số y tế, trong đó chú trọng: nền

tăng số quản lý bệnh viện, cơ sở y tế; nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử; nền tảng quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân; nền tảng quản lý tiêm chủng; nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến; và các công cụ hỗ trợ khám chữa bệnh và nghiệp vụ y tế.

- Hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh góp phần giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, hình thành các bệnh viện thông minh.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp môi trường chính sách

- Ban hành các quy chế, quy định, quy trình trong việc sử dụng các ứng dụng chuyên ngành dùng chung và chuyên ngành, hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ và hiệu quả trong ứng dụng, phát triển CNTT tại các đơn vị, đảm bảo các quy trình tác nghiệp được thực hiện hiệu quả. Quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử và chữ ký số trong ngành, quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Gắn kết chặt chẽ hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan đơn vị, của cán bộ, công chức với công tác bình xét thi đua, khen thưởng đánh giá CBCCV hàng năm; Quy chế, quy định nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư ứng dụng CNTT... Xây dựng các chính sách ưu tiên, phối hợp với doanh nghiệp trong công tác triển khai các ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị. Nghiên cứu phát triển các hình thức thuê, khoán trong triển khai ứng dụng CNTT lĩnh vực Y tế.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức, biên chế mạng lưới cán bộ CNTT từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện. Tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ công chức, viên chức ngành y tế nâng cao trình độ khai thác ứng dụng CNTT đáp ứng được yêu cầu công việc.

2. Giải pháp tài chính

- Ưu tiên sử dụng kinh phí từ ngân sách được giao, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị, quỹ bảo hiểm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai đầu tư ứng dụng CNTT.

- Nghiên cứu triển khai hình thức thuê dịch vụ CNTT từ các doanh nghiệp CNTT, bao gồm: Phát triển hạ tầng kỹ thuật CNTT, phát triển phần mềm, đường truyền nhằm giảm các chi phí triển khai ứng dụng CNTT trong các đơn vị. Thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trang thiết bị CNTT một cách đồng bộ.

3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính.

- Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ ứng dụng CNTT với cải cách quy trình, thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa, theo hướng hiện đại hướng tới kết nối, liên thông các cấp trong việc giải quyết thủ tục hành

chính tại cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động sự tham gia của người dân và doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân trên môi trường mạng, tổ chức đối thoại trực tuyến, chuyên mục hỏi đáp trực tuyến về khó khăn vướng mắc trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

4. Giải pháp tổ chức triển khai

Căn cứ kế hoạch ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị Sở Y tế tổng hợp xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong toàn ngành để các đơn vị làm căn cứ, định hướng tổ chức triển khai thực hiện. Đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chuyên môn, cũng như giảm bớt thủ tục hành chính trong ngành Y tế.

5. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Tuyên truyền cán bộ công chức, viên chức nâng cao nhận thức vai trò của CNTT quan tâm việc ứng dụng và phát triển CNTT tạo bước chuyển biến tích cực trong lề lối làm việc, gắn việc ứng dụng CNTT với đẩy mạnh cải cách hành chính trên cơ sở áp dụng thống nhất hệ thống thông tin chỉ đạo điều hành.

- Quan tâm đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ chuyên trách CNTT tại đơn vị. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức về kỹ năng ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu công việc.

6. Giải pháp Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị trong việc ứng dụng và phát triển ứng dụng CNTT; các đơn vị căn cứ kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch theo đúng kế hoạch và lộ trình đề ra.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo, an toàn an ninh thông tin đặc biệt an toàn bảo mật thông tin.

- Hình thành Trung tâm tích hợp dữ liệu ngành y tế để thực hiện quản trị hạ tầng, triển khai các ứng dụng dùng chung, đảm bảo an toàn hệ thống mạng và an ninh thông tin.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý, đơn vị y tế, cộng đồng về vai trò, lợi ích của y tế thông minh. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về ý nghĩa, vai trò của CNTT y tế.

- Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến để hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng khi sử dụng các dịch vụ y tế trực tuyến.

- Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phát triển công nghệ thông tin y tế.

V. KINH PHÍ

1. Văn phòng Sở Y tế phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính tham mưu tổng hợp nhu cầu đầu tư lĩnh vực CNTT báo cáo Sở Y tế đề nghị Sở Tài chính hàng năm bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

2. Các đơn vị trực thuộc ưu tiên việc sử dụng kinh phí từ ngân sách được giao, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư hoặc thuê dịch vụ CNTT trên cơ sở sử dụng ngân sách đúng mục đích và hiệu quả. Khuyến khích thuê dịch vụ CNTT từ các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn Phòng Sở Y tế

- Trực tiếp theo dõi chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT trong ngành Y tế.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá thực hiện triển khai ứng dụng CNTT tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế. Định kỳ hằng quý tổng hợp báo cáo Sở Y tế, Ban chỉ đạo CNTT của ngành các biện pháp cần thiết bảo đảm thực hiện Kế hoạch hiệu quả và đồng bộ.

- Căn cứ vào Kế hoạch ứng dụng CNTT tin của các đơn vị trong ngành tổng hợp nhu cầu đầu tư triển khai ứng dụng CNTT của các đơn vị báo cáo Sở Y tế cân đối nguồn ngân sách bố trí kinh phí để thực hiện.

- Chủ trì, tham mưu xây dựng chương trình, đề án, dự án đẩy mạnh ứng dụng CNTT và phát triển nguồn nhân lực CNTT trong ngành y tế; Chủ động tham mưu các giải pháp phần mềm quản lý bệnh viện, phần mềm bảo hiểm y tế, các phần mềm ứng dụng trong ngành y tế, các ứng dụng dùng chung của ngành đảm bảo quản lý toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu, thống nhất hoạt động an toàn, thông suốt.

- Đảm bảo hoạt động CNTT của ngành ổn định, chính xác, an toàn, bảo mật các hệ thống thông tin, các ứng dụng của Sở Y tế và các hệ thống có quy mô toàn ngành Y tế.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT cho cán bộ công chức viên chức ngành y tế.

- Phối hợp với các phòng chức năng Sở Y tế và các đơn vị tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch ứng dụng, phát triển CNTT ngành Y tế.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng phân bổ nguồn kinh phí đầu tư từ các nguồn vốn của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng, phát triển CNTT theo lộ trình kế hoạch của ngành đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

3. Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng kiện toàn hệ thống tổ chức mạng lưới cán bộ CNTT trong toàn ngành có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng nhân lực CNTT. Đảm bảo trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các đơn vị. Đảm bảo nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong ngành.

4. Các phòng chức năng, Sở Y tế

- Phối hợp tổ chức và thực hiện triển khai kế hoạch theo lĩnh vực được phân công, phụ trách, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội trong lĩnh vực công tác Y tế dự phòng; khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế.

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá việc ứng dụng CNTT tại các đơn vị trong ngành y tế.

5. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

- Phối hợp với Văn phòng Sở Y tế, các phòng chức năng, liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT tại cơ quan đơn vị, đảm bảo tính thống nhất, liên thông đồng bộ.

- Ưu tiên sử dụng kinh phí từ ngân sách được giao, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị, quỹ bảo hiểm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai kế hoạch phát triển CNTT của đơn vị.

- Hoàn thiện và nâng cấp hạ tầng cơ sở CNTT của đơn vị; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, thường xuyên khai thác có hiệu quả các phần mềm ứng dụng trong công việc, bố trí và đào tạo nhân lực cho cán bộ CNTT, cán bộ thực hiện ứng dụng CNTT trong công tác chuyên môn.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

Trên cơ sở đảm bảo nguồn lực triển khai, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, tránh trùng lặp lãng phí đề xuất các nhiệm vụ thực hiện phù hợp với cơ quan, đơn vị. *(danh mục đầu tư chi tiết phụ lục kèm theo)*

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng CNTT trong lĩnh vực y tế gắn với Chương trình Chuyển đổi số, đảm bảo an toàn an ninh thông tin ngành y tế tỉnh Điện Biên năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (Báo cáo);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các phòng chức năng SYT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vừ A Sử

Phụ lục
Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số, đảm bảo an toàn
an ninh thông tin mạng năm 2024 trong ngành Y tế tỉnh Điện Biên
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH - SYT ngày /01/2024 của Sở Y tế)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị thực hiện	Nhiệm vụ, dự án mới/chuyển tiếp	Mục tiêu đầu tư dự kiến triển khai	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
I	Xây dựng hệ thống phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe thông minh						
1	Triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử	Ngành Y tế	Chuyển tiếp	Lập hồ sơ sức khỏe toàn dân trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác quản lý	14.400	Ngân sách nhà nước; quỹ phát triển sự nghiệp	2024
2	Triển khai hệ thống thống kê y tế điện tử	Ngành Y tế	Chuyển tiếp	- Thống kê y tế điện tử theo quy định của Bộ Y tế - Phân tích số liệu thống kê phục vụ xây dựng kế hoạch trong lĩnh vực y tế	10.000	NSNN; PTSN	2024
3	Hệ thống chăm sóc sức khỏe thông minh	Các cơ sở KCB	Chuyển tiếp	Phát triển các ứng dụng cung cấp tri thức phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân; các thông tin về cơ sở y tế, bác sĩ, dịch vụ y tế trên môi trường web, di động kết nối với hệ tri thức Việt số hóa	20.000	NSNN; PTSN	2024
II	Xây dựng hệ thống khám bệnh, chữa bệnh thông minh						
1	Hiện đại hóa trong lĩnh vực khám chữa bệnh	Ngành Y tế	Chuyển tiếp, đầu tư mới	Triển khai cải cách hành chính tại khoa khám bệnh, đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến; Triển khai bệnh án điện tử, bệnh viện không giấy tờ, không tiền mặt.	5.000	NSNN; PTSN	2024
2	Hệ thống khám chữa bệnh từ xa	Các cơ sở KCB	Chuyển tiếp, đầu tư mới	ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khám bệnh, chữa bệnh từ xa với các bệnh viện trung ương.	5.000	NSNN; PTSN	2024

3	Hệ thống khám chữa bệnh y dược cổ truyền	Y học cổ truyền	Chuyển tiếp	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng bằng y dược cổ truyền	2.000	NSNN; PTSN	2024
4	Hệ thống khám chữa bệnh thông minh	Các cơ sở KCB	Chuyển tiếp	- Triển khai cải cách hành chính tại khoa khám bệnh, đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến; Triển khai bệnh án điện tử, bệnh viện không giấy tờ, không tiền mặt. - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng bằng y dược cổ truyền	10.000	NSNN; PTSN	2024
III Xây dựng hệ thống quản trị Y tế thông minh							
1	Xây dựng chính quyền điện tử	Sở Y tế	Chuyển tiếp	Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành điện tử	3.000	NSNN; PTSN	2024
2	Nâng cấp công dữ liệu khám chữa bệnh	Sở Y tế	Chuyển tiếp	Kết nối liên thông dữ liệu KCB trong ngành Y tế. Xây dựng dữ liệu KCB ngành Y tế. Hình thành cơ sở dữ liệu y tế kết nối liên thông dữ liệu y tế quốc gia	3.000	NSNN; PTSN	2024
3	Nâng cấp Hệ thống giao ban trực tuyến	Ngành Y tế	Chuyển tiếp	Hội nghị truyền hình trực tuyến trong ngành Y tế. Hỗ trợ chẩn đoán điều trị khám chữa bệnh từ xa trên địa bàn tỉnh	3.000	NSNN; PTSN	2024
4	Xây dựng trung tâm điều hành Y tế Thông minh	Ngành Y tế	Chuyển tiếp	Ứng dụng CNTT vào Quản lý, chỉ đạo, theo dõi điều hành lĩnh vực khám chữa bệnh, hệ thống theo dõi cảnh báo dịch bệnh ngành y tế trên địa bàn tỉnh	5.000	NSNN; PTSN	2024
5	Nâng cấp hạ tầng CNTT	Ngành Y tế	Chuyển tiếp	Triển khai hệ thống CNTT hiện đại, đồng bộ đảm bảo an toàn an ninh thông tin	10.000	NSNN; PTSN	2024
6	Hệ thống thông tin quản lý an toàn thực phẩm	Sở Y tế	Chuyển tiếp	Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Y tế để từng bước hình thành cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất trong toàn tỉnh nhằm hỗ trợ công tác tổng hợp báo cáo số liệu.	1.700	NSNN	2024